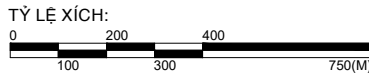
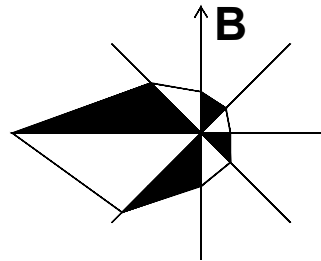


TỈNH TÂY NINH - XÃ PHƯỚC THẠNH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

QUY HOẠCH PHÂN KHU KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP THẠNH - GIAI ĐOẠN I, TỶ LỆ 1/2000

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG CẤP NƯỚC

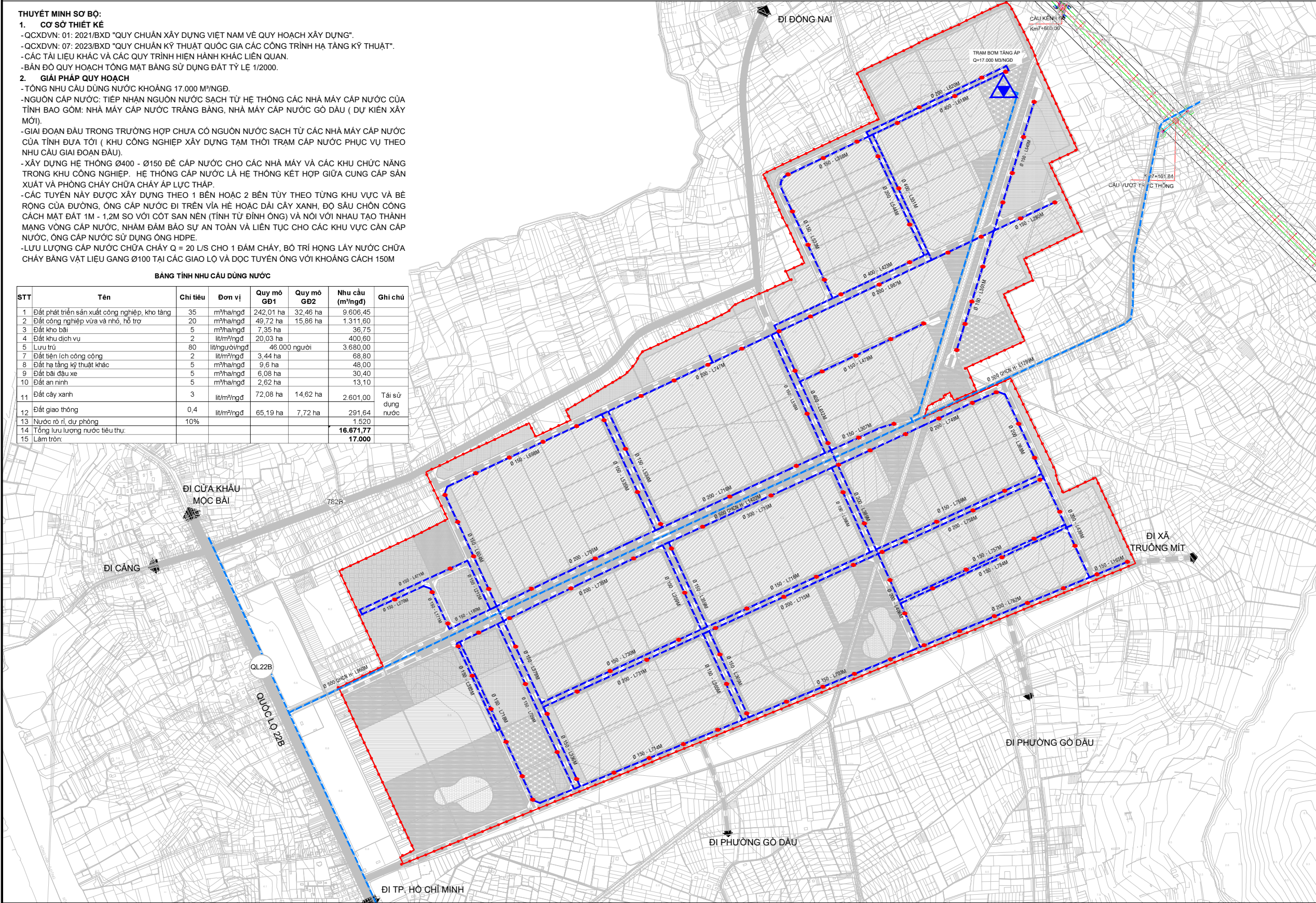


THUYẾT MINH SƠ BỘ:

1. CƠ SỞ THIẾT KẾ
- QCXĐVN: 01: 2021/BXD "QUY CHUẨN XÂY DỰNG VIỆT NAM VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG".
 - QCXĐVN: 07: 2023/BXD "QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT".
 - CÁC TÀI LIỆU KHÁC VÀ CÁC QUY TRÌNH HIỆN HÀNH KHÁC LIÊN QUAN.
 - BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT TỶ LỆ 1/2000.
2. GIẢI PHÁP QUY HOẠCH
- TỔNG NHU CẦU DÙNG NƯỚC KHOẢNG 17.000 M³/NGĐ.
 - NGUỒN CẤP NƯỚC: TIẾP NHẬN NGUỒN NƯỚC SẠCH TỪ HỆ THỐNG CÁC NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CỦA TỈNH BAO GỒM: NHÀ MÁY CẤP NƯỚC TRẢNG BÀNG, NHÀ MÁY CẤP NƯỚC GÒ DẦU (DỰ KIẾN XÂY MỚI).
 - GIAI ĐOẠN ĐẦU TRONG TRƯỜNG HỢP CHƯA CÓ NGUỒN NƯỚC SẠCH TỪ CÁC NHÀ MÁY CẤP NƯỚC CỦA TỈNH ĐƯA TỚI (KHU CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG TẠM THỜI TRẠM CẤP NƯỚC PHỤC VỤ THEO NHU CẦU GIAI ĐOẠN ĐẦU).
 - XÂY DỰNG HỆ THỐNG Ø400 - Ø150 ĐỂ CẤP NƯỚC CHO CÁC NHÀ MÁY VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG TRONG KHU CÔNG NGHIỆP. HỆ THỐNG CẤP NƯỚC LÀ HỆ THỐNG KẾT HỢP GIỮA CUNG CẤP SẢN XUẤT VÀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY ÁP LỰC THẤP.
 - CÁC TUYẾN NÀY ĐƯỢC XÂY DỰNG THEO 1 BÊN HOẶC 2 BÊN TÙY THEO TỪNG KHU VỰC VÀ BỀ RỘNG CỦA ĐƯỜNG, ỚNG CẤP NƯỚC ĐI TRÊN VÍA HÉ HOẶC DÂY CÂY XANH, ĐỘ SÂU CHƠN CÔNG CÁCH MẶT ĐẤT 1M - 1,2M SO VỚI CỘT SAN NỀN (TÍNH TỪ ĐỈNH ỚNG) VÀ NỐI VỚI NHAU TẠO THÀNH MẠNG VÒNG CẤP NƯỚC, NHẪM ĐẢM BẢO SỰ AN TOÀN VÀ LIÊN TỤC CHO CÁC KHU VỰC CẦN CẤP NƯỚC, ỚNG CẤP NƯỚC SỬ DỤNG ỚNG HDPE.
 - LƯU LƯỢNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY Q = 20 L/S CHO 1 ĐÁM CHÁY, BỐ TRÍ HỌNG LẤY NƯỚC CHỮA CHÁY BẰNG VẬT LIỆU GANG Ø100 TẠI CÁC GIAO LỘ VÀ ĐOC TUYẾN ỚNG VỚI KHOẢNG CÁCH 150M

BẢNG TÍNH NHU CẦU DÙNG NƯỚC

STT	Tên	Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy mô GB1	Quy mô GB2	Nhu cầu (m ³ /ngđ)	Ghi chú
1	Đất phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng	35	m ² /ha/ngđ	242,01 ha	32,46 ha	9.606,45	
2	Đất công nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ	20	m ² /ha/ngđ	49,72 ha	15,86 ha	1.311,60	
3	Đất kho bãi	5	m ² /ha/ngđ	7,35 ha		36,75	
4	Đất khu dịch vụ	2	lit/m ² /ngđ	20,03 ha		400,60	
5	Lưu trữ	80	lit/người/ngđ		46.000 người	3.680,00	
7	Đất tiện ích công cộng	2	lit/m ² /ngđ	3,44 ha		68,80	
8	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	5	m ² /ha/ngđ	9,6 ha		48,00	
9	Đất bãi đầu xe	5	m ² /ha/ngđ	6,08 ha		30,40	
10	Đất an ninh	5	m ² /ha/ngđ	2,62 ha		13,10	
11	Đất cây xanh	3	lit/m ² /ngđ	72,08 ha	14,62 ha	2.601,00	Tái sử dụng nước
12	Đất giao thông	0,4	lit/m ² /ngđ	65,19 ha	7,72 ha	291,64	
13	Nước rò rỉ, dự phòng	10%				1.520	
14	Tổng lưu lượng nước tiêu thụ:					16.671,77	
15	Làm tròn:					17.000	



KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- — — CÔNG CẤP NƯỚC KCN
- — — ỚNG CẤP NƯỚC QUY HOẠCH
- TRỤ CỨU HỎA
- Ø 300 - L396M ĐƯỜNG KÍNH (MM) - CHIỀU DÀI (M)
- ▲ TRẠM BƠM TĂNG ÁP